

Số: 354/KH-UBND

Ninh Thuận, ngày 17 tháng 7 năm 2021

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do dịch COVID-19 theo Nghị quyết 68/NQ-CP và Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg trên địa bàn tỉnh

Căn cứ Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 của Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19; Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19;

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thường trực Tỉnh ủy tại Văn bản số 1047-CV/TU ngày 12/7/2021 về hỗ trợ người lao động không có giao kết hợp đồng lao động gặp khó khăn do dịch Covid-19 trên địa bàn tỉnh;

Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận ban hành kế hoạch thực hiện hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do dịch COVID-19 trên địa bàn tỉnh theo Nghị quyết 68/NQ-CP và Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg, cụ thể như sau:

I. Mục đích - yêu cầu:

- Triển khai có hiệu quả việc hỗ trợ cho người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do dịch bệnh COVID-19 gây ra; góp phần phục hồi sản xuất, kinh doanh; giảm thiểu những tác động tiêu cực của đại dịch; ổn định sản xuất, kinh doanh, đảm bảo đời sống và an toàn cho người lao động trên địa bàn tỉnh.

- Việc triển khai thực hiện hỗ trợ đảm bảo theo phương châm: “*Khẩn trương, trách nhiệm, đạo lý, tình cảm, đúng đối tượng, đúng quy định*”. Trong tổ chức thực hiện đảm bảo công khai, có kiểm tra, giám sát, không để xảy ra sai sót hoặc bỏ sót đối tượng; tránh tình trạng trục lợi chính sách.

- Phát huy tính chủ động của các cấp, các ngành, địa phương, căn cứ vào điều kiện cụ thể để linh hoạt triển khai, đảm bảo mục tiêu, nguyên tắc và kịp thời các chính sách hỗ trợ.

II. Nguyên tắc hỗ trợ:

- Bảo đảm hỗ trợ kịp thời, đúng đối tượng, công khai, minh bạch, không để lợi dụng, trục lợi chính sách.

- Xây dựng các tiêu chí, điều kiện thuận lợi để người lao động và người sử dụng lao động dễ dàng tiếp cận chính sách.

- Bảo đảm tính khả thi, hiệu quả của các chính sách và nguồn lực để thực hiện. Mỗi đối tượng chỉ được hưởng một lần trong một chính sách hỗ trợ. Người lao động được hỗ trợ một lần bằng tiền chỉ được hưởng một chế độ hỗ trợ; không hỗ trợ đối tượng tự nguyện không tham gia.

III. Nội dung hỗ trợ:

1. Chính sách giảm mức đóng bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp

- Đối tượng thụ hưởng: quy định tại Điều 1, Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg. Người sử dụng lao động hỗ trợ toàn bộ số tiền có được từ việc giảm đóng Quỹ Bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp cho người lao động phòng chống COVID-19.

- Mức đóng và thời gian áp dụng: quy định tại Điều 2, Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg.

2. Chính sách tạm dừng đóng vào quỹ hưu trí và tử tuất

- Đối tượng thụ hưởng: quy định tại Điều 4, Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg.

- Điều kiện hỗ trợ: quy định tại Điều 5, Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg.

- Thời gian tạm dừng đóng: quy định tại Điều 6, Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg. Hết thời hạn tạm dừng đóng, người lao động và người sử dụng lao động đóng bù vào quỹ hưu trí và tử tuất theo quy định tại Điều 7, Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg.

- Trình tự, thủ tục thực hiện: quy định tại Điều 8, Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg.

3. Chính sách hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động

- Đối tượng thụ hưởng và điều kiện hỗ trợ: quy định tại Điều 9, Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg.

- Mức hỗ trợ, thời gian hỗ trợ, phương thức chi trả: quy định tại Điều 10, Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg.

- Hồ sơ, trình tự, thủ tục thực hiện: quy định tại Điều 11 và 12, Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg.

4. Chính sách hỗ trợ người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương

- Đối tượng thụ hưởng và điều kiện hỗ trợ: quy định tại Điều 13, Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg.

- Mức hỗ trợ, phương thức chi trả: quy định tại Điều 14, Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg.

- Hồ sơ, trình tự, thủ tục thực hiện: quy định tại Điều 15 và 16, Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg.

5. Chính sách hỗ trợ người lao động ngừng việc

- Đối tượng thụ hưởng và điều kiện hỗ trợ: quy định tại Điều 17, Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg.

- Mức hỗ trợ, phương thức chi trả: quy định tại Điều 18, Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg.

- Hồ sơ, trình tự, thủ tục thực hiện: quy định tại Điều 19 và 20, Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg.

6. Chính sách hỗ trợ người lao động chấm dứt hợp đồng lao động nhưng không đủ điều kiện hưởng trợ cấp thất nghiệp

- Đối tượng thụ hưởng và điều kiện hỗ trợ: quy định tại Điều 21, Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg.

- Mức hỗ trợ, phương thức chi trả: quy định tại Điều 22, Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg.

- Hồ sơ, trình tự, thủ tục thực hiện: quy định tại Điều 23 và 24, Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg.

7. Chính sách hỗ trợ trẻ em và người đang điều trị COVID-19, cách ly y tế

- Đối tượng thụ hưởng: quy định tại Điều 25, Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg.

- Mức hỗ trợ, thời gian hỗ trợ: quy định tại Điều 26, Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg.

- Hồ sơ, trình tự, thủ tục thực hiện: quy định tại Điều 27, Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg.

8. Chính sách hỗ trợ viên chức hoạt động nghệ thuật

- Đối tượng thụ hưởng và điều kiện hỗ trợ: quy định tại Điều 28, Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg.

- Mức hỗ trợ, phương thức chi trả: quy định tại Điều 29, Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg.

- Hồ sơ, trình tự, thủ tục thực hiện: quy định tại Điều 30, Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg.

9. Chính sách hỗ trợ người lao động là hướng dẫn viên du lịch

- Đối tượng thụ hưởng và điều kiện hỗ trợ: quy định tại Điều 31, Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg.

- Mức hỗ trợ, phương thức chi trả: quy định tại Điều 32, Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg.

- Hồ sơ, trình tự, thủ tục thực hiện: quy định tại Điều 33 và 34, Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg.

10. Chính sách hỗ trợ hộ kinh doanh

- Đối tượng thụ hưởng và điều kiện hỗ trợ: quy định tại Điều 35, Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg.

- Mức hỗ trợ, phương thức chi trả: quy định tại Điều 36, Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg.

- Hồ sơ, trình tự, thủ tục thực hiện: quy định tại Điều 37, Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg.

11. Chính sách hỗ trợ người sử dụng lao động vay vốn để trả lương ngừng việc, trả lương phục hồi sản xuất thực hiện theo chương X, Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg.

12. Chính sách hỗ trợ lao động không có giao kết hợp đồng lao động (lao động tự do)

12.1. Đối tượng thụ hưởng và điều kiện hỗ trợ:

Lao động tự do thuộc các dịch vụ trên địa bàn tỉnh đã và đang bị tạm dừng hoạt động theo các văn bản của các cơ quan có thẩm quyền:

a) Lao động tự do làm việc cho các quầy hàng chợ đêm, quán bar, vũ trường, dịch vụ karaoke, massage, dịch vụ trò chơi điện tử, nhà hàng tiệc cưới, rạp chiếu phim.

b) Lao động tự do làm việc trong cơ sở kinh doanh: phòng tập yoga; phòng tập gym; bi-da; spa làm đẹp cho các giới; khu vui chơi giải trí trẻ em, hồ bơi; sân bóng mini; các câu lạc bộ thể dục thể thao (bao gồm cả võ thuật, thể dục thẩm mỹ); dịch vụ tắm nước ngọt, giữ xe bãi biển; khách sạn, nhà nghỉ, cơ sở lưu trú.

c) Lao động tự do làm việc tại các nhà xe vận tải hành khách đi/đến TP.HCM và tỉnh Bình Dương.

d) Lao động tự do làm việc tại các Trung tâm ngoại ngữ; Cơ sở giáo dục phổ thông, tiểu học, mẫu giáo, mầm non; Trung tâm GDNN-GDTX, Trung tâm GDTX-HN; Trung tâm ngoại ngữ, tin học; Trung tâm GD kỹ năng sống.

đ) Người bán hàng rong dọc Quốc lộ IA đi qua địa bàn tỉnh, tại Ga Tháp Chàm.

12.2. Mức hỗ trợ, thời gian xét hỗ trợ:

+ Mức hỗ trợ: 1.500.000 đồng/người/lần.

+ Thời gian xét hỗ trợ: kể từ ngày 01/5/2021 đến ngày 31/12/2021.

12.3. Hồ sơ, trình tự, thủ tục thực hiện.

a) Hồ sơ đề nghị:

Đơn đề nghị (theo mẫu số 1). Người lao động tự viết đơn, không viết thay (trừ trường hợp người không biết chữ, có điểm chỉ) và có xác nhận của Trưởng thôn/khu phố.

b) Trình tự thực hiện:

- Người lao động làm hồ sơ nộp về Ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn.
- Người lao động chỉ thực hiện tại nơi thường trú hoặc đã tạm trú dài hạn (từ 06 tháng trở lên cho tới thời điểm làm đơn).
- Thời hạn nộp hồ sơ giao các địa phương chủ động triển khai.
- Ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn tiếp nhận hồ sơ của người lao động, tổ chức rà soát, thẩm định và lập danh sách người lao động đủ điều kiện hưởng hỗ trợ với sự tham gia giám sát của đại diện các tổ chức chính trị - xã hội (hoặc thành lập Tổ thẩm định xét duyệt) và công khai với cộng đồng dân cư; niêm yết công khai danh sách người lao động đề nghị hỗ trợ trong 03 ngày làm việc; tổng hợp danh sách người lao động đủ điều kiện (theo mẫu số 2), kèm toàn bộ đơn của người lao động gửi Ủy ban nhân dân huyện/thành phố.
- Trong 02 ngày làm việc, Ủy ban nhân dân huyện/thành phố thẩm định, tổng hợp danh sách (theo mẫu số 3), kèm toàn bộ đơn của người lao động trình Ủy ban nhân dân tỉnh thông qua Sở Lao động – Thương binh và Xã hội.
- Trong 02 ngày làm việc, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội thẩm định và tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt danh sách hỗ trợ và kinh phí hỗ trợ. Trường hợp không phê duyệt, Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền Sở Lao động – Thương binh và Xã hội trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.
- Hồ sơ của người lao động đã thẩm định xong được Sở Lao động – Thương binh và Xã hội chuyển trả về lưu trữ tại các địa phương

IV. Kinh phí thực hiện:

Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ cho các đối tượng gặp khó khăn được sử dụng 50% nguồn dự phòng ngân sách địa phương (bao gồm cả 3 cấp tỉnh, huyện, xã) và 70% quỹ dự trữ tài chính địa phương, nguồn cải cách tiền lương còn dư để thực hiện theo các nguyên tắc, chế độ hỗ trợ quy định tại Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 của Chính phủ.

V. Tổ chức thực hiện:

1. Bảo hiểm xã hội tỉnh:

Chủ trì, triển khai hướng dẫn người sử dụng lao động thực hiện các hồ sơ, trình tự, thủ tục và phê duyệt, giải quyết theo thẩm quyền đối với các đối tượng được hỗ trợ tại khoản 1,2, mục III Kế hoạch này.

Triển khai, chỉ đạo Bảo hiểm xã hội cấp huyện xác nhận người sử dụng lao động đóng đủ bảo hiểm thất nghiệp hoặc xác nhận người lao động có tham gia BHXH bắt buộc đối với các đối tượng được hỗ trợ tại khoản 3,4,5,6, mục III Kế hoạch này và các mẫu 13a, 13b, 13c kèm theo Quyết định số

23/2021/QĐ-TTg đề Ngân hàng Chính sách xã hội cho vay theo quy định tại khoản 11, mục III Kế hoạch này.

Tổng hợp, báo cáo tình hình thực hiện chính sách hỗ trợ cho các đối tượng thuộc quyền quản lý theo quy định; kịp thời hướng dẫn hoặc đề xuất UBND tỉnh và cấp có thẩm quyền các giải pháp để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện.

2. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội:

Chủ trì, triển khai hướng dẫn và tham mưu UBND tỉnh phê duyệt danh sách các nhóm đối tượng được hỗ trợ tại khoản 3,4,5,6,12 mục III Kế hoạch này.

Tổng hợp, báo cáo tình hình thực hiện chính sách hỗ trợ cho đối tượng theo quy định; kịp thời hướng dẫn hoặc đề xuất UBND tỉnh và cấp có thẩm quyền các giải pháp để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện.

Phối hợp với UBMTTQVN tỉnh, các ngành, địa phương kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện đảm bảo đúng quy định hiện hành.

3. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch:

Chủ trì, triển khai hướng dẫn và trực tiếp tham mưu UBND tỉnh phê duyệt danh sách các nhóm đối tượng được hỗ trợ tại khoản 8,9, mục III Kế hoạch này.

Tổng hợp, báo cáo tình hình thực hiện chính sách hỗ trợ cho đối tượng theo quy định; kịp thời hướng dẫn hoặc đề xuất UBND tỉnh và cấp có thẩm quyền các giải pháp để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện.

Phối hợp với UBMTTQVN tỉnh, các ngành, địa phương kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện đảm bảo đúng quy định hiện hành.

4. Ngân hàng CSXH chi nhánh Ninh Thuận:

Chủ trì, triển khai hướng dẫn và thẩm định, thực hiện cho vay đối với Người sử dụng lao động để trả lương ngừng việc, trả lương phục hồi sản xuất theo quy định tại khoản 11, mục III Kế hoạch này.

Tổng hợp, gửi báo cáo về việc cho người sử dụng lao động vay trả tiền lương ngừng việc, trả lương phục hồi sản đến UBND tỉnh và các cấp thẩm quyền theo quy định.

5. Cục Thuế tỉnh:

Triển khai, chỉ đạo Chi cục thuế khu vực, thành phố phối hợp thẩm định hộ kinh doanh tạm ngừng kinh doanh được hỗ trợ tại khoản 10, mục III Kế hoạch này và hỗ trợ Ngân hàng Chính sách xã hội rà soát, cung cấp thông tin đảm bảo đủ các điều kiện vay vốn theo quy định tại khoản 11, mục III Kế hoạch này.

Tổng hợp, báo cáo tình hình thực hiện chính sách hỗ trợ cho đối tượng theo quy định; kịp thời hướng dẫn hoặc đề xuất UBND tỉnh và cấp có thẩm quyền các

giải pháp để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện.

6. Sở Tài chính:

Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí thực hiện hỗ trợ theo phân cấp ngân sách của Luật ngân sách nhà nước.

7. Sở Thông tin và Truyền thông:

Chủ trì, hướng dẫn các cơ quan thông tấn, báo chí, đài phát thanh - truyền hình, tổ chức phổ biến, tuyên truyền rộng rãi các nội dung về đối tượng, mức hỗ trợ; tuyên truyền để người thụ hưởng sử dụng kinh phí hiệu quả, đúng mục đích.

8. Các Sở, ban – ngành xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện nhiệm vụ có liên quan; làm tốt công tác hướng dẫn, tuyên truyền, vận động cộng đồng doanh nghiệp và Nhân dân về các cơ chế, chính sách hỗ trợ người dân, doanh nghiệp gặp khó khăn do dịch COVID-19; chủ động phối hợp xử lý những vướng mắc phát sinh, định kỳ báo cáo tình hình thực hiện, đề xuất giải pháp, gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội trước ngày 20 hàng tháng để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

9. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh; Liên đoàn lao động tỉnh và các tổ chức thành viên tham gia giám sát quá trình triển khai, tổ chức thực hiện chính sách hỗ trợ cho các đối tượng trên địa bàn.

10. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố:

a) Xây dựng kế hoạch tổ chức triển khai thực hiện tại địa phương; Chỉ đạo các ngành, địa phương làm tốt công tác tuyên truyền để người dân, doanh nghiệp hiểu rõ về chủ trương, các quy định về hỗ trợ cho người sử dụng lao động và người lao động gặp khó khăn do dịch COVID-19 trên địa bàn; tránh tình trạng khiếu kiện, khiếu nại xảy ra.

b) Chỉ đạo việc rà soát, lập danh sách đối với các nhóm đối tượng theo quy định đảm bảo đúng đối tượng, không bị trùng lặp trong quá trình xét duyệt;

c) Chủ động thẩm định và trực tiếp trình UBND tỉnh phê duyệt danh sách các nhóm đối tượng được hỗ trợ tại khoản 7,10 mục III Kế hoạch này.

d) Thẩm định và trình UBND tỉnh thông qua Sở Lao động – Thương binh và Xã hội trình UBND tỉnh phê duyệt danh sách các nhóm đối tượng được hỗ trợ tại khoản 4,5,12 mục III Kế hoạch này.

đ) Chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện hỗ trợ cho các đối tượng tại địa phương theo quy định. Chủ động sử dụng nguồn lực của địa phương để tổ chức thực hiện. Trường hợp có khó khăn về nguồn ngân sách thì báo cáo Sở Tài chính để tổng hợp và trình cấp có thẩm quyền quyết định.

11. Thời gian thực hiện và chế độ báo cáo

Các nhóm đối tượng được hỗ trợ một lần, phải được các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện hoàn tất việc trình UBND tỉnh phê duyệt danh sách và chi

hỗ trợ xong trong tháng 7/2021.

Các Sở, ban – ngành, đơn vị có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố thực hiện báo cáo các nội dung đã triển khai, số liệu đối tượng đã thực hiện hàng ngày trước 16h00 gửi về Văn phòng UBND tỉnh và Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tổng hợp báo cáo Tỉnh ủy và Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội. Định kỳ ngày 25 hàng tháng báo cáo tình hình triển khai trong tháng gửi về UBND tỉnh (thông qua Sở Lao động – Thương binh và Xã hội).

Trên đây là Kế hoạch của UBND tỉnh triển khai thực hiện hỗ trợ người sử dụng lao động và người lao động gặp khó khăn do dịch COVID-19 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận theo Nghị quyết 68/NQ-CP và Quyết định 23/2021/QĐ-TTg. Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đoàn thể; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố căn cứ, tổ chức triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Bộ LĐTBXH;
- Văn phòng Chính phủ;
- TT.Tỉnh ủy, TT.HĐND tỉnh; (b/c)
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh Nguyễn Long Biên;
- UBMTTQVN tỉnh, LĐLĐ tỉnh và các Hội đoàn thể;
- Các Sở, Ban ngành cấp tỉnh;
- UBND các huyện, TP;
- VPUB: LĐ, CV;
- Lưu: VT. NVT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Long Biên

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ

(Dành cho người lao động không có giao kết hợp đồng lao động)

Kính gửi: Ủy ban nhân dân (xã/phường/thị trấn).....

I. THÔNG TIN VỀ NGƯỜI LAO ĐỘNG

1. Họ và tên: Ngày, tháng, năm sinh:/...../.....
2. Dân tộc: Giới tính:
3. Chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân số:
Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:
4. Hộ khẩu thường trú:
5. Địa chỉ tạm trú:
6. Điện thoại liên hệ:

II. THÔNG TIN VỀ VIỆC LÀM VÀ THU NHẬP CHÍNH TRƯỚC KHI MẤT VIỆC LÀM

1. Công việc chính:

Lao động tự do làm việc cho các quầy hàng chợ đêm, quán bar, vũ trường, dịch vụ karaoke, massage, dịch vụ trò chơi điện tử, nhà hàng tiệc cưới, rạp chiếu phim.

Lao động tự do làm việc trong cơ sở kinh doanh: phòng tập yoga; phòng tập gym; bi-da; spa làm đẹp cho các giới; khu vui chơi giải trí trẻ em, hồ bơi; sân bóng mini; các câu lạc bộ thể dục thể thao (bao gồm cả võ thuật, thể dục thẩm mỹ); dịch vụ tắm nước ngọt, giữ xe bãi biển; khách sạn, nhà nghỉ, cơ sở lưu trú.

Lao động tự do làm việc tại các nhà xe vận tải hành khách đi/đến TP.HCM và tỉnh Bình Dương.

Lao động tự do làm việc tại các Trung tâm ngoại ngữ; Cơ sở giáo dục phổ thông, tiểu học, mẫu giáo, mầm non; Trung tâm GDNN-GDTX, Trung tâm GDTX-HN; Trung tâm ngoại ngữ, tin học; Trung tâm GD kỹ năng sống.

Người bán hàng rong dọc QL 1A đi qua địa bàn tỉnh, tại Ga Tháp Chàm.

2. Địa chỉ nơi làm việc:.....

3. Thu nhập bình quân tháng trước khi mất việc làm: đồng/tháng

III. THÔNG TIN VỀ TÌNH TRẠNG VIỆC LÀM VÀ THU NHẬP HIỆN NAY

1. Công việc chính:

2. Thu nhập hiện nay: đồng/tháng.

Hiện nay, tôi chưa hưởng các chính sách hỗ trợ khác theo quy định tại Kế hoạch số/KH-UBND ngày/7/2021 của UBND tỉnh về việc triển khai các chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19.

Tôi cam đoan nội dung ghi trên là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai tôi sẽ chịu trách nhiệm trước pháp luật./

.....ngày tháng năm
2021

NGƯỜI ĐỀ NGHỊ

(Ký, ghi rõ họ tên)

XÁC NHẬN CỦA THÔN/KHU PHỐ

.....
.....
.....
.....
.....

XÁC NHẬN CỦA UBND XÃ /PHƯỜNG/THỊ TRẤN

.....
.....
.....
.....
.....

Mẫu số 2 (THỰC HIỆN TRÊN EXCEL)

UBND XÃ....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**TỔNG HỢP DANH SÁCH LAO ĐỘNG KHÔNG CÓ GIAO KẾT HỢP
ĐỒNG LAO ĐỘNG ĐƯỢC HƯỞNG CHẾ ĐỘ THEO NGHỊ QUYẾT
68/NQ-CP TRÊN ĐỊA BÀN XÃ.....**

TT	Họ và tên	Số chứng minh nhân dân/ Căn cước công dân	Số điện thoại	Nơi ở hiện tại	Công việc chính trước khi bị mất việc làm	Địa điểm làm việc trước khi bị mất việc làm	Thu nhập hiện nay	Ghi chú
1								
2								

NGƯỜI LẬP

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

Mẫu số 3 (THỰC HIỆN TRÊN EXCEL)

UBND HUYỆN/TP....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**TỔNG HỢP DANH SÁCH LAO ĐỘNG KHÔNG CÓ GIAO KẾT HỢP
ĐỒNG LAO ĐỘNG ĐƯỢC HƯỞNG CHẾ ĐỘ THEO NGHỊ QUYẾT
68/NQ-CP TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN/TP.....**

TT	Họ và tên	Số chứng minh nhân dân/ Căn cước công dân	Số điện thoại	Nơi ở hiện tại	Công việc chính trước khi bị mất việc làm	Địa điểm làm việc trước khi bị mất việc làm	Thu nhập hiện nay	Ghi chú
I	XÃ/PHƯỜNG...							
1								
2								
...								
II	XÃ....							

NGƯỜI LẬP

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ